

## 2024-2025 年度第一學期中五補課

補課時間為 4:10 pm – 5:00 pm

	Tue	Thur	Tue	Thur	Tue	Thur	Tue	Thur	Tue	Thur	Tue	Thur	Tue	Thur	Tue	Thur	Tue	Thur	Tue	Thur
Date	10/9	12/9	17/9	19/9	24/9	26/9	1/10	3/10	8/10	10/10	15/10	17/10	22/10	24/10	29/10	31/10	5/11	7/11	12/11	14/11
5A	Eng.	Chi	M1	X1	Ma.	X2	國慶 日假期	CSD	Eng.	X1	Chi	X2	M1	陸 運 會	X1	Ma.	Chi	X2	Eng.	Ma.
5B	Eng.	Chi		X1	Ma.	X2		CSD	Eng.	X1	Chi	X2			X1	Ma.	Chi	X2	Eng.	Ma.
5C	Eng.	Chi		X1	Ma.	X2		CSD	Eng.	X1	Chi	X2			X1	Ma.	Chi	X2	Eng.	Ma.
5D	Eng.	Chi		X1	Ma.	X2		CSD	Eng.	X1	Chi	X2			X1	Ma.	Chi	X2	Eng.	Ma.
Date	19/11	21/11	26/11	28/11	3/12	5/12	10/12	12/12	17/12	2/1	7/1	9/1								
5A	Eng.	Chi	X1	CSD	Ma.	X2	Eng.	Chi	Ma.	M1	Eng.	教師 發展 日								
5B	Eng.	Chi	X1	CSD	Ma.	X2	Eng.	Chi	Ma.		Eng.									
5C	Eng.	Chi	X1	CSD	Ma.	X2	Eng.	Chi	Ma.		Eng.									
5D	Eng.	Chi	X1	CSD	Ma.	X2	Eng.	Chi	Ma.		Eng.									

X1	Bio. (Lab/5A) KY	T&H (5B) SKY	Hist. (5C) LSL4	Eco. (5D) TPM	Phy. (Lab/A501a) HSM	M1 (Room 505) LNH	
X2	Chem. (Lab/5A) KY	Geog. (5B) WKY2	BF(Acct) (5C) YTM	BF(BM) (5D) YWK	C. Hist (A501a) YCK	ICT (Comp. Rm.) HKK	

CCW3	Rm 505 (Gp. 1)
LSY4	Rm 506 (Gp. 2)
LCW	Rm 406 (Gp. 3)
TST	Rm A301 (Gp.4)